

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

---***---

Bản án số: 82/2017/HSST

Ngày: 19/12/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thêm và ông Trần Xuân Hòa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Nhật Lệ - Thư ký tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Khoái Châu: Bà Lê Thị Chung – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 19/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2017/HSST ngày 27/11/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2017/HSST-QĐXX ngày 05/12/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT, chỗ ở: thôn Y, xã DT, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1962 và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1964; Vợ là chị Dương Thị H; Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: chưa có;

Nhân thân: Ngày 03/11/2014, T bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác, mức xử phạt 2.500.000 đồng. T đã nộp phạt xong vào ngày 10/12/2014.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/6/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. (Có mặt).

Những người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985;

Trú tại: Thôn V, thị trấn x, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Ông Nguyễn Kim D, sinh năm 1963;

3. Bà Đặng Thị N, sinh năm 1963;

Đều trú tại: Thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

4. Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1986.

Trú tại: Đội 4, phố AB, phường AT, thành phố Hưng Yên.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 05/6/2017, Nguyễn Văn T đang ở nhà nghỉ X ở thôn AC, phường P, thành phố Hưng Yên, gọi điện thoại từ số thuê bao 0936310888 của T vào số thuê bao 0983772999 của Nguyễn Văn C sinh năm 1985 ở thôn V, thị trấn x, huyện K, rủ C xuống nhà nghỉ chơi cùng T. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 06/6/2017 thì C đi về nhà. Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày T nhận được điện thoại của C gọi từ số thuê bao 0983772999 nói “qua nhà C, C gọi cho thằng em đưa cho T túi đá rồi mang ra nhà nghỉ Sao Đêm để cả hai cùng chơi”, T đồng ý và nhận được điện thoại từ số thuê bao 0921011776 (T cho rằng đó là C vì nghe giọng nói giống của C) hẹn T đến cửa hàng của C ở thôn V, thị trấn x cầm ma túy mang đến nhà nghỉ S ở thôn 1, xã Ô, huyện K do anh Nguyễn Kim D sinh năm 1963 là chủ nhà nghỉ, để cùng sử dụng. Sau đó T tiếp tục nhận được nhiều tin nhắn từ số thuê bao 0921011776 trao đổi với T về nội dung trên. T gọi xe taxi của hãng xe Mai Linh (T không nhớ biển số xe) do anh Đỗ Văn L sinh năm 1986 là lái xe, chở T đi từ Hưng Yên về quán nhà C, rồi dừng xe ở trước cửa quán. Lúc này, T thấy một thanh niên tên gọi là R, khoảng 17 tuổi, không biết địa chỉ cụ thể, điều khiển xe mô tô không gắn biển số đi đến cạnh xe taxi và đưa cho T 01 gói nilon bên trong chứa chất kết tinh màu trắng dạng cục. T biết đó là ma túy đá nên cất vào túi quần bên phải phía trước rồi tiếp tục đi taxi đến nhà nghỉ S. T chưa trả tiền taxi và bảo anh L đợi rồi T mang gói ma túy lên phòng 309 nhà nghỉ S thì bị Công an huyện Khoái Châu kết hợp cùng Công an xã Ô kiểm tra phát hiện, bắt giữ. T tự nguyện giao nộp cho Công an 01 gói nilon bên trong chứa chất kết tinh màu trắng, T khai nhận đó là ma túy đá T mang đến để sử dụng. Cơ quan Công an đã tiến hành thu giữ và niêm phong gói nilon chứa chất ma túy trên, gửi đi giám định. Ngoài ra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu còn thu giữ của T 01 điện thoại di động Iphone 5 màu vàng đã qua sử dụng và số tiền 70.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 2842/C54(TT2) ngày 03/7/2017 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: tinh thể màu trắng, dạng cục trong gói nilon màu trắng gửi giám định có trọng lượng 2,437 gam là Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 90/QĐ-VKS-HS, ngày 24/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS năm 1999).

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị Hội

đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 Điều 41 của BLHS năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (BLHS năm 2015); điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 (BLTTHS năm 2003); Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù tính từ ngày 06/6/2017; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T; Tịch thu tiêu hủy 1,812 (một phẩy tám một hai) gam mẫu Methamphetamine hoàn lại sau giám định; Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5 màu vàng, đã qua sử dụng; Trả lại cho bị cáo T 70.000đ.

- Bị cáo T nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội.

- Những người làm chứng là anh Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Kim D, bà Đặng Thị N và anh Đỗ Văn L đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 192 của BLTTHS năm 2003 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận vào ngày 06/6/2017, tại nhà nghỉ S thuộc thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên, bị cáo đã có hành vi tàng trữ 2,437 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản vụ việc (BL: 65-66); Biên

bản niêm phong (BL: 67); Biên bản quản lý tiền, đồ vật (BL: 68); Kết luận giám định của Viện khoa học hình sự (BL: 22); Lời khai của những người làm chứng ông Nguyễn Kim D, bà Đặng Thị N và anh Đỗ Văn L (BL: 80-87). Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ 45 phút, ngày 06/6/2017, tại nhà nghỉ S của ông Nguyễn Kim D thuộc thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Văn T đã có hành vi tàng trữ 2,437 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng nhưng chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Nguyễn Văn T theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 90/QĐ-VKS-HS, ngày 24/11/2017 là có căn cứ.

Quá trình điều tra, bị cáo T khai nhận: Nguyễn Văn C, sinh năm 1985 ở thôn V, thị trấn x đã sử dụng hai số điện thoại 0921011776 và 0983772999 để liên lạc, nhờ T mang ma túy đá đến nhà nghỉ S để cùng sử dụng tuy nhiên Nguyễn Văn C không thừa nhận việc đã trao đổi với T về việc nêu trên. Đối với số thuê bao 0921011776 không xác định được đối tượng sử dụng số thuê bao di động này, C cũng không thừa nhận đã sử dụng số thuê bao 0921011776 để gọi điện và nhắn tin cho T. Còn đối với số thuê bao 0983772999 do C sử dụng tuy nhiên Công ty Viễn thông không xác định được nội dung cuộc gọi đi và gọi đến của số thuê bao này nên không có căn cứ để xác định và xử lý đối với C.

Đối với số thuê bao mà bị cáo T sử dụng là 0936310888 được đăng ký mang tên chị Dương Thị H sinh năm 1991 ở DT, huyện K (là vợ của T). Hiện chị H vắng mặt tại địa phương nên không có cơ sở xác minh xử lý.

Đối với người thanh niên tên “R” đã đưa ma túy cho T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã tiến hành rà soát trên địa bàn ở thị trấn x nhưng không có đối tượng nào tên “R” có đặc điểm như T khai. Do đó không có cơ sở xác minh xử lý.

Đối với ông Nguyễn Kim D là chủ nhà nghỉ S, anh Đỗ Văn L là lái xe hãng taxi Mai Linh đều không biết việc T tàng trữ trái phép chất ma túy nên không có căn cứ xử lý. Ngoài ra anh L cũng không yêu cầu T phải bồi thường đối với số tiền cước phí taxi mà T chưa trả cho anh L.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo T gây nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ: Bị cáo đã vi phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được luật hình sự bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an. Bản thân bị cáo T nhận thức rất rõ tác hại của ma túy, biết được tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng để thỏa mãn cơn

nghiện, bị cáo đã sẵn sàng vi phạm pháp luật, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

Xét về nhân thân: Ngày 03/11/2014, T bị Công an huyện Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe người khác, mức xử phạt 2.500.000 đồng. Bị cáo đã nộp phạt xong vào ngày 10/12/2014.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải nên bị cáo được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999.

Sau khi xem xét nhân thân, diễn biến vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T có nhân thân xấu, là đối tượng ăn chơi, lười lao động, đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tổng hợp để sử dụng, làm thỏa mãn cơn nghiện của mình. Vì vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng sẽ áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; khoản 3 Điều 7 của BLHS năm 2015. Theo đó, Hội đồng xét xử so sánh các điều khoản tương ứng, cụ thể so sánh khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015 với khoản 1 Điều 194 của BLHS năm 1999 thì khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015 quy định một hình phạt nhẹ hơn. Vì vậy, áp dụng quy định có lợi cho bị cáo để quyết định hình phạt nhẹ hơn, đảm bảo tính nhân đạo của pháp luật cũng như đảm bảo quyền lợi cho bị cáo khi pháp luật có sự thay đổi.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp chủ yếu là làm ruộng, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 5 Điều 194 của BLHS năm 1999 là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ được một số vật chứng sau: 01 phong bì niêm phong dán kín có dấu tròn đỏ của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có chứa 1,812 gam Methamphetamine hoàn lại sau giám định; 01 điện thoại di động Iphone 5 màu vàng đã qua sử dụng và số tiền 70.000 đồng.

- Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật chứng trong vụ án được Nhà nước độc quyền quản lý, cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy 1,812g (một phẩy tám một hai gam) Methamphetamine hoàn lại sau giám định.

- Đối với 01 điện thoại di động Iphone 5 màu vàng đã qua sử dụng thuộc sở hữu của bị cáo T là phương tiện mà bị cáo T dùng để trao đổi, liên lạc lấy ma túy nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước.

- Đối với số tiền 70.000 đồng hiện đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu tại Kho bạc Nhà nước huyện Khoái Châu được xác định là tiền thuộc sở hữu hợp pháp của bị cáo T, số tiền này không được sử dụng vào việc mua bán ma túy nên cần trả lại cho bị cáo T.

Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1, khoản 2 Điều 99 của BLHS năm 1999.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 231, Điều 234 của BLTTHS năm 2003.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị Quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 06/6/2017.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 41 của BLHS năm 1999; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 76 của BLTTHS năm 2003.

- Tịch thu tiêu hủy 1,812g (một phẩy tám một hai gam) Methamphetamine hoàn lại sau giám định;

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 5 màu vàng đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T số tiền 70.000đ (Bảy mươi nghìn đồng) hiện đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu tại Kho bạc Nhà nước huyện Khoái Châu.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 68/QĐ-VKS ngày 24/11/2017 của VKSND huyện Khoái Châu).

Về án phí: Áp dụng Điều 99 của BLTTHS năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231, Điều 234 của BLTTHS năm 2003.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/12/2017).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Khoái Châu;
- CA huyện Khoái Châu;
- Bị cáo;
- Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;
- Chi cục thi hành án huyện K/C;
- Lưu HS.

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG